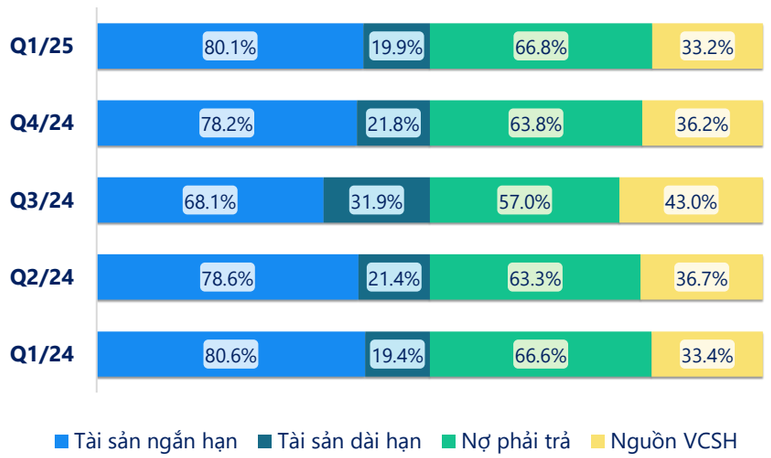
CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu (HSX: DHM)

Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	7,410
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,545
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	7,227
SL cổ phiếu LH	34,535,699
KLGD BQ 20 phiên (CP)	148,116
% sở hữu nước ngoài	0.1%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	256
P/E	314.8
EPS	24

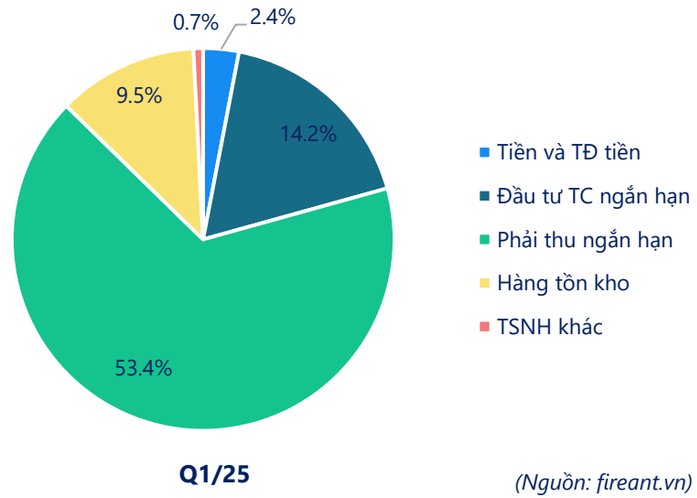
	YTD	1T	3T	6T
DHM	-11.7%	-7.4%	-12.8%	-6.7%
VNINDEX	2.9%	-0.4%	2.7%	1.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



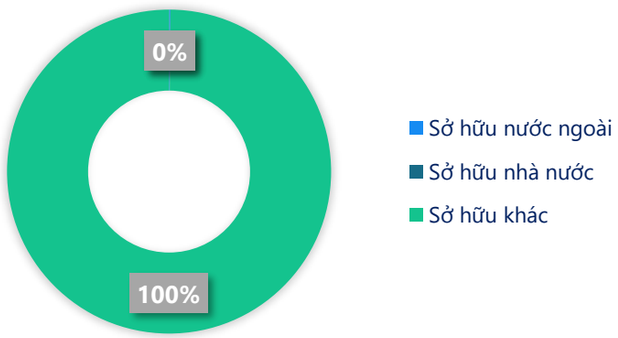
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



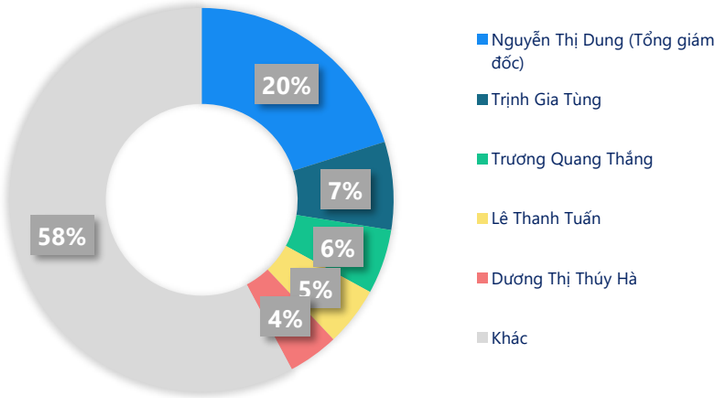
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



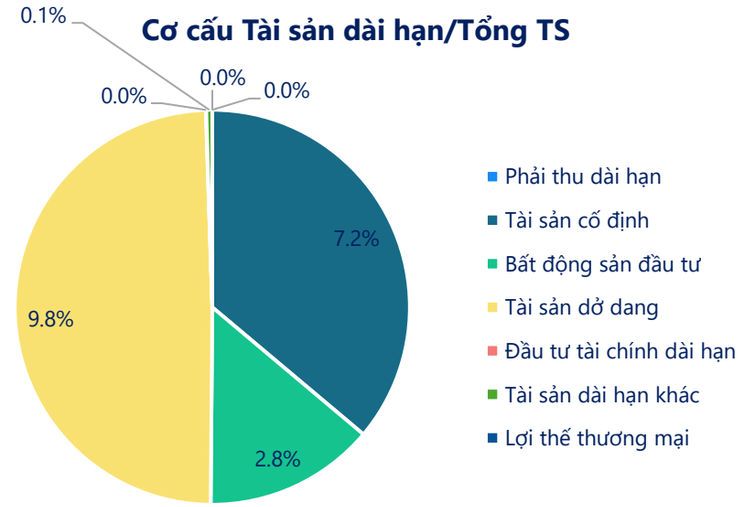
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

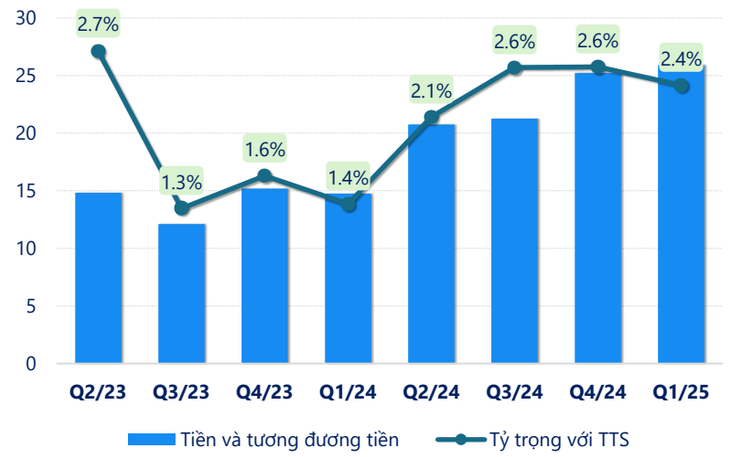


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

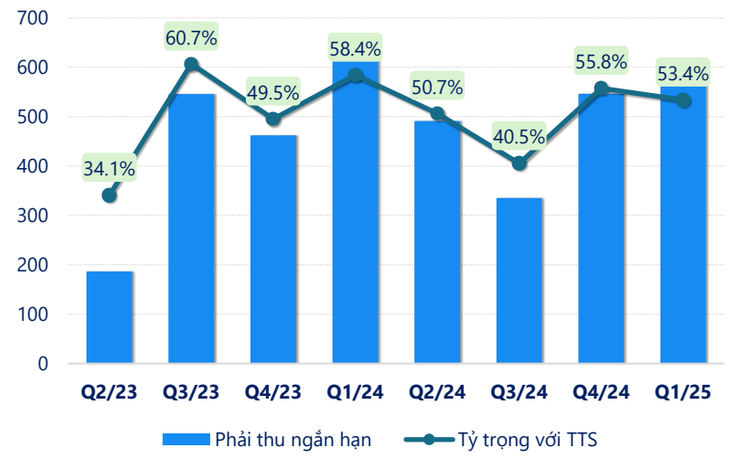
CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu (HSX: DHM)

Tiền và tương đương tiền



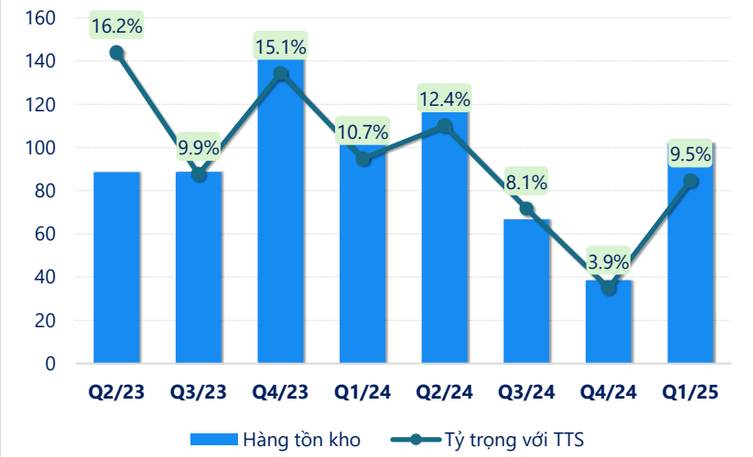
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



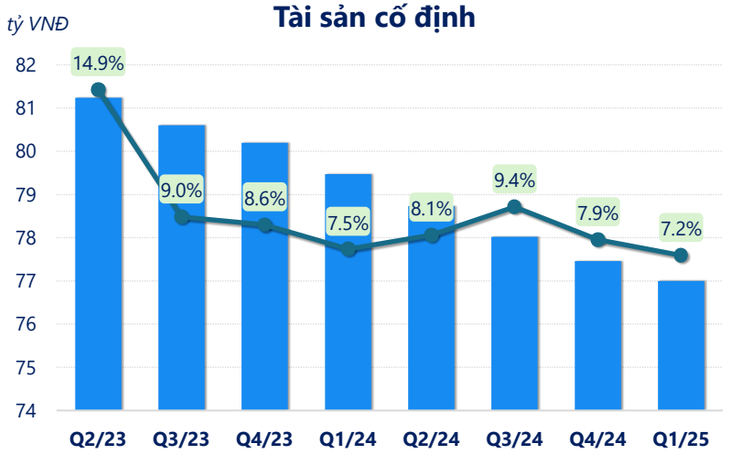
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



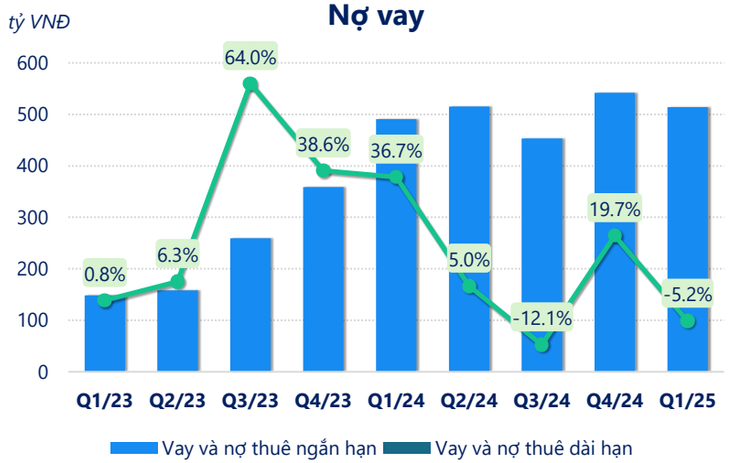
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



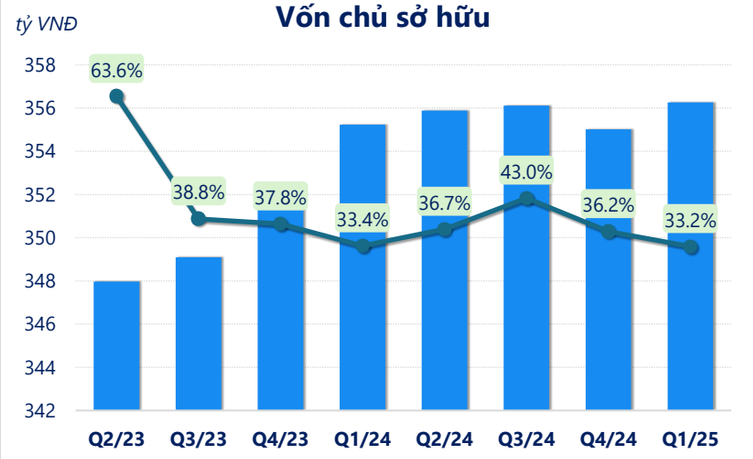
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

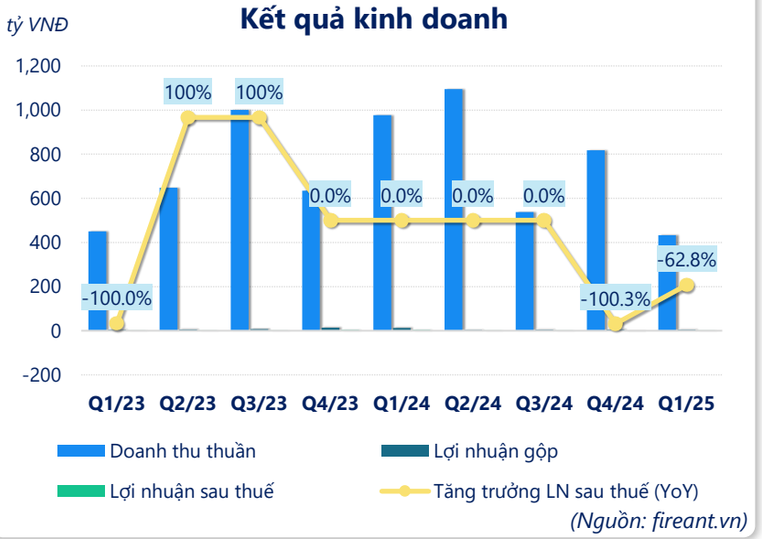
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

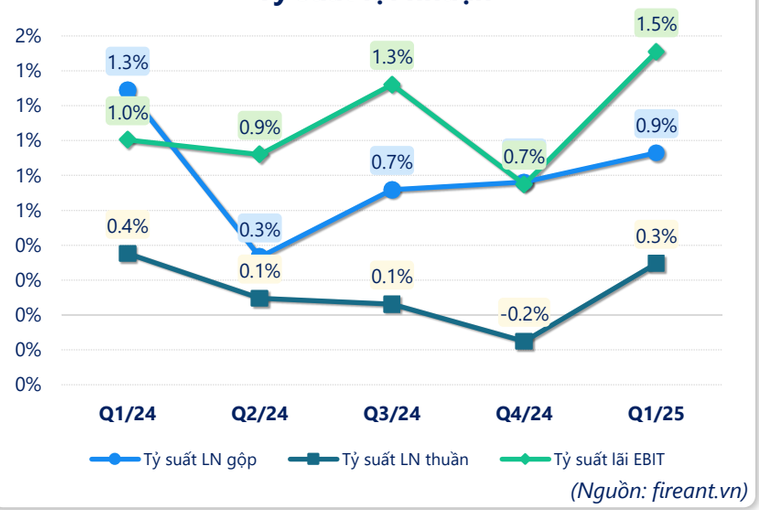
CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu (HSX: DHM)

Kết quả kinh doanh



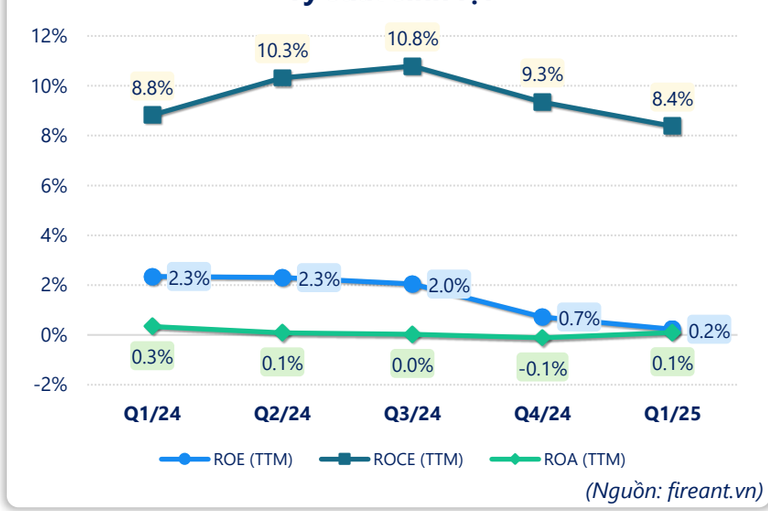
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



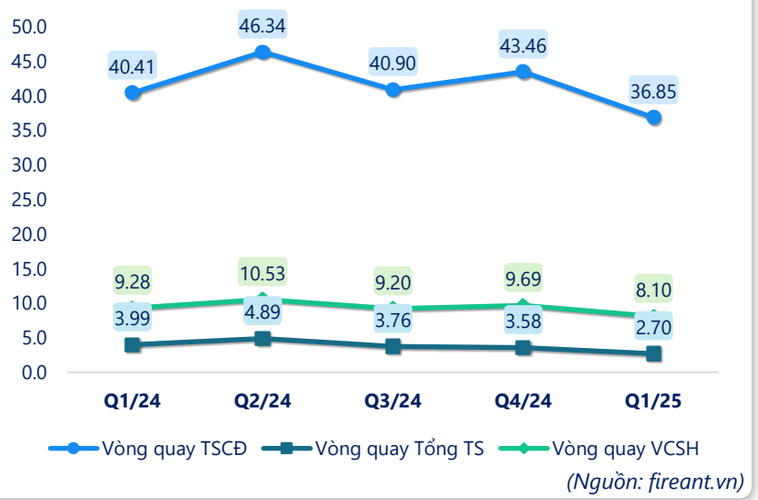
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



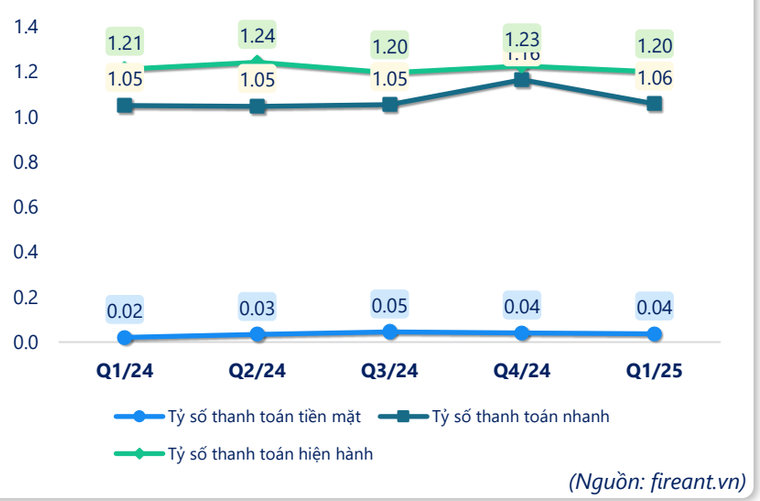
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



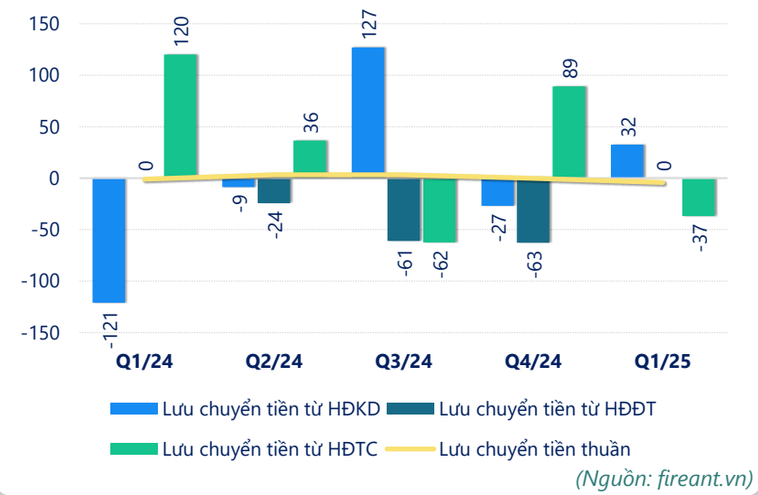
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Thương mại & Khai thác khoáng sản Dương Hiếu (HSX: DHM)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,072**	**980**	**9.4%**
Tài sản ngắn hạn	859	766	12.1%
Tiền và tương đương tiền	25.9	26.8	-3.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	152	153	-0.5%
Phải thu ngắn hạn	572	547	4.6%
Hàng tồn kho	102	38.7	164%
Tài sản ngắn hạn khác	6.98	0.99	603%
Tài sản dài hạn	**213**	**214**	**-0.3%**
Phải thu dài hạn	0	0.02	-100%
Tài sản cố định	77.0	77.3	-0.4%
Bất động sản đầu tư	29.8	30.0	-0.5%
Tài sản dở dang	105	105	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0.06	0.06	0.0%
Tài sản dài hạn khác	**1.06**	**1.18**	**-10.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	716	625	14.6%
Nợ ngắn hạn	**716**	**625**	**14.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	514	542	-5.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	66.4	10.2	550%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**356**	**355**	**0.3%**
Vốn chủ sở hữu	**356**	**355**	**0.3%**
Vốn điều lệ	345	314	10.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Doanh thu thuần	977	1,095	537	817	434
Giá vốn hàng bán	964	1,091	533	811	430
Lợi nhuận gộp	12.6	3.64	3.86	6.23	4.03
Doanh thu HĐTC	0.00	4.83	5.25	7.50	4.91
Chi phí TC	6.99	5.65	6.82	7.35	5.06
Chi phí lãi vay	6.37	9.07	6.82	7.22	5.26
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0.36	0.37	0.33	0.54	0.42
Chi phí QLDN	1.80	1.39	1.63	7.08	2.18
LN thuần từ HĐKD	3.44	1.05	0.33	-1.24	1.28
Lợi nhuận khác	0.00	-0.05	-0.05	0.14	0.00
LN trước thuế	3.44	1.01	0.28	-1.10	1.28
Lợi nhuận sau thuế	2.76	0.66	0.22	-1.09	1.02
LNST của CĐ cty mẹ	2.76	0.66	0.22	-1.09	1.02

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-121	-8.74	127	-26.9	32.4
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0	-24.5	-61.1	-62.6	0.10
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	120	36.5	-62.5	89.2	-36.8
Tiền đầu kỳ	15.6	14.8	20.7	21.3	26.8
Lưu chuyển tiền thuần	**-0.89**	**3.29**	**3.21**	**-0.29**	**-4.24**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	2.69	-2.69	4.26	3.34
Tiền cuối kỳ	14.8	20.7	21.3	25.2	25.9

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic